

QUAN NIỆM CỦA CÁC THIÊN SƯ VIỆT NAM THỜI LÝ VỀ SỰ SỐNG CHẾT

NGUYỄN ĐỨC SỰ^(*)

Từ khi con người xuất hiện trên trái đất thì vấn đề sống chết của con người đã trở thành một niềm băn khoăn day dứt trong tư duy, trong ảo tưởng và trong đời sống tâm linh từ thế hệ này đến thế hệ khác. Các nhà tư tưởng trong lịch sử, khi đề cập đến bản chất của con người, cũng không thể không nói đến sự sống chết của con người. Đặc biệt, các tôn giáo rất coi trọng việc giải thích vấn đề con người từ đâu sinh ra, con người tồn tại và kết thúc ra sao? Sự kết thúc phải chăng là cái chết, hay cái chết chỉ là sự chuyển đổi trạng thái tồn tại của con người? Đạo Phật cũng rất quan tâm đến việc lý giải sự sống chết của con người. Không phải ngẫu nhiên mà điểm xuất phát đi tìm con đường giải thoát cho con người trên thế gian của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là sự chứng kiến của Đức Phật trước mọi nỗi đau khổ trên trần thế. Vì vậy, giáo lý của đạo Phật đã nhấn mạnh cuộc đời là bể khổ và cho rằng, trong nhiều nỗi đau khổ của con người, thì sống và chết là hai nỗi đau khổ tiêu biểu. Do đó, trong *Bài tựa Thiên tông chỉ nam*, Trần Thái Tông có nói: “Đạo giáo của Đức Phật ta là phương tiện để dẫn dụ mọi bày mê hoặc, là đường tắt để tỏ rõ mọi lẽ sinh tử”⁽¹⁾.

Các thiên sư Việt Nam thời Lý đã có những bài thơ, những bài kệ và những lời phát biểu nói rõ quan điểm của mình về sự sống chết. Ni sư Diệu Nhân Lý Ngọc Kiều có viết:

Sinh, lão, bệnh, tử

Tự cổ thường nhiên

Nghĩa là:

Sinh, lão, bệnh, tử

Lê thường xưa nay vẫn thế⁽²⁾.

Thiên sư Trì Bát còn nói rõ thêm:

Hữu tử tất hữu sinh

Hữu sinh tất hữu tử.

Nghĩa là:

Có chết ắt có sống

Có sống ắt có chết⁽³⁾.

Như vậy, theo hai thiên sư trên đây, thì sống và chết là những sự kiện tất nhiên không tránh khỏi của một đời người. Con người đã sinh ra thì rồi đến lúc phải chết. Mà con người đã kết thúc

*. PGS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. *Khóa hư lục*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1974, tr. 112.

2. *Văn thơ Lý-Trần*, Tập I. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 339.

3. *Văn thơ Lý-Trần*, Tập I. Sdd, tr. 350.

bằng cái chết, có nghĩa là con người đó đã được sinh ra, đã sống và tồn tại trên thế gian. Trong bài *Di chiếu lúc lâm chung*, Lý Nhân Tông đã chỉ rõ: “Trẫm nghe: Các giống sinh vật không giống nào không chết. Chết là số lớn nhất của trời đất là lẽ đương nhiên của muôn loài”⁽⁴⁾.

Trong quan niệm của các thiền sư thời Lý, thì sống và chết gắn với thân xác con người và là sự biểu hiện của thân xác con người. Nếu mọi sự vật trên dòng biến chuyển của nó phải trải qua quá trình có sinh có diệt, thì thân xác của con người cũng phải trải qua sự sống và cái chết. Vì vậy, sự lý giải của các thiền sư thời Lý về sự sống chết thường gắn với sự lý giải của họ về thân xác con người. Đối với họ, thân xác con người không tồn tại vĩnh viễn, mà nó có thời điểm xuất hiện và kết thúc.

Thiền sư Thuần Chân bảo học trò là Bản Tịch rằng: “Thân thị sinh diệt pháp”. Nghĩa là: Thân người là hiện tượng sinh diệt⁽⁵⁾.

Thiền sư Viên Chiếu cũng đã nói: “Thân như tường vách dĩ dôi thì”. Nghĩa là: Thân người ta như tường vách đã đến lúc đổ nát⁽⁶⁾.

Thiền sư Vạn Hạnh không chỉ dừng lại ở sự tồn tại tạm thời của thân xác con người, mà ông còn nói rõ trạng thái và tính chất của sự tồn tại đó. Ông viết:

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô

Vạn mộc xuân sinh thu hựu khô

Nghĩa là:

Thân như bóng chớp có rồi không

Cây cối xuân tươi thu khô héo⁽⁷⁾.

Ở đây, Thiền sư Vạn Hạnh đã khẳng định, thân xác của con người không phải là một sự tồn tại đích thực mà chỉ là cái bóng vụt sáng lên rồi tắt đi, cũng giống như loài thảo mộc mùa xuân tươi tốt nhưng đến mùa thu thì khô héo.

Còn Thiền sư Minh Trí đã miêu tả thân xác của con người bằng những hình tượng sống động và sắc nét:

Tùng phong thủy nguyệt minh

Vô ảnh diệt vô hình

Sắc thân giá cá thị

Không không tầm hưởng thanh

Nghĩa là:

Gió trên cành thông, trăng sáng ở dưới nước

Không có bóng cũng không có hình

Sắc thân cũng như thế đó

[Muốn tìm nó có khác chi] tìm tiếng vang ở trong khoảng không⁽⁸⁾.

Có thể nói, ở đây, thân xác hay sắc thân của con người được xem là không có tự tính, là giả tướng ảo huyền. Nó chỉ là sự kết hợp giả tạm của Tứ đại và Ngũ uẩn. Cho nên, Phật giáo chủ trương Vô Ngã, mong con người không chấp chước vào thân xác và những nhu cầu của thân xác. Nhưng sự xuất hiện của thân xác con người không phải là một hiện tượng đơn lẻ ngẫu nhiên và cô lập. Theo các thiền sư thời Lý thì sự hiện diện của thân xác con người trên thế gian không tách

4. Văn thơ Lý-Trần, Tập I. Sđd, tr. 440.

5. Văn thơ Lý-Trần, Tập I. Sđd, tr. 316.

6. Văn thơ Lý-Trần, Tập I. Sđd, tr. 293.

7. Văn thơ Lý-Trần, Tập I. Sđd, tr. 218.

8. Văn thơ Lý-Trần, Tập I. Sđd, tr. 524.

rời một bản thể thường trụ vĩnh hằng của mọi sự vật hữu hình trong trời đất thường được gọi bằng các cái tên: Chân tính, Pháp tính, Chân như, Diệu thể, v.v...

Thiền sư Trường Nguyên đã diễn đạt tính chất của cái bản thể thường trụ vĩnh hằng đó như sau:

Tại quang tại trần

Thường ly quang trần

Tâm phủ trường triệt

Dữ vật vô thân

Thể vi tự nhiên

Ứng vật vô ngân

Tòng tương nhi nghi

Đào dã nhân luân

Đỉnh độc vạn vật

Dữ vật vi xuân

Tác vũ thiết nữ

Đả cổ mộc nhân

Nghĩa là:

Ở trong ánh sáng, ở trong bụi trần

Nhưng không phải là ánh sáng cũng không phải bụi trần

Phủ tạng thì trong suốt

Không thân với vật nào cả

Là bản thể của giới tự nhiên

Ứng nghiệm vào tất cả các vật, không trừ vật nào

Là ông thợ khéo sáng tạo ra trời đất

Nhào nặn nhân luân

Sinh ra vạn vật

Và trường tồn với trời đất

[Như] cô vũ nữ bằng sắt nhảy múa

[Và như] thằng người gổ đánh trống⁽⁹⁾.

Cái bản thể thường trụ vĩnh hằng mà Thiền sư Trường Nguyên đã nói “ứng nghiệm vào tất cả các vật, không trừ vật nào”. Cũng vì thế mà nó có liên hệ chặt chẽ không thể tách rời với thân xác con người, nhưng không đồng nhất với thân xác con người đúng như Thiền sư Đạo Huệ đã nói:

Sắc thân dữ diệu thể

Bất hợp bất phân ly

Nghĩa là:

Sắc thân và diệu thể

Chẳng hợp chẳng lìa xa⁽¹⁰⁾.

Thiền sư Thuần Chân còn chỉ rõ sự khác nhau căn bản giữa cái bản thể thường trụ vĩnh hằng đó với thân xác con người là ở chỗ:

Thân thị sinh diệt pháp

Pháp tính vị tăng diệt

Nghĩa là:

Thân người là hiện tượng sinh diệt

[Nhưng] pháp tính thì chưa từng [sinh] diệt⁽¹¹⁾.

Thân xác của con người không có tự tính nhưng lại có mối liên hệ “bất hợp bất phân li” với cái bản thể thường trụ vĩnh hằng của muôn vật. Cho nên, muốn thấy được thân xác con người và sự sống chết gắn liền với thân xác người, thì không chỉ dừng lại ở quan niệm Vô Ngã và cho thân xác của con người là ảo ảnh, giả tướng, mà điều quan trọng là phải

9. Văn thơ Lý-Trần, Tập I. Sđd, tr. 475.

10. Văn thơ Lý-Trần, Tập I. Sđd, tr. 487.

11. Văn thơ Lý-Trần, Tập I. Sđd, tr. 316.

tiến tới chứng ngộ được cái bản thể thường trụ vĩnh hằng bằng một thứ trí tuệ trực giác và linh nghiệm gọi là Bát nhã. Do đó, các thiền sư thời Lý bao giờ cũng gắn sự lý giải thân xác con người và sự sống chết của con người cùng với sự chứng ngộ của con người về cái Chân tính, Diệu thể của chính mình và của muôn vật. Vì thế mà Thiền sư Hứa Đại Xả có nói:

Ngũ uẩn sơn cao diệp bất tông

Chân tính linh minh vô khuê ngại

Niết Bàn sinh tử nhiệm giả lung.

Nghĩa là:

Ngũ uẩn như núi cao không có gốc

Chân tính thiêng liêng sáng suốt chẳng vướng víu

Thì Niết Bàn, sinh tử nào có thể ràng buộc được⁽¹²⁾.

Cũng do thân xác và sự sống chết của con người không có tự tính, mà chỉ có Chân tính, Diệu thể mới là sự tồn tại chân thực và vĩnh hằng nên Thiền sư Đạo Huệ đã chỉ rõ: “Chân tính diệp viên, thể tính không tịch, vận dụng tự tại, chẳng đồng với sinh tử. Thế nên sinh không từ đâu đến, chết chẳng đi về đâu”⁽¹³⁾.

Sự sống chết cùng với thân xác của con người không có gốc, không có tự tính như vậy thì sống và chết về thực chất không khác gì nhau. Do đó, Thiền sư Giới Không đã nhấn mạnh:

Nhược ngôn sinh tử dị đồ

Trâm khước Thích Ca, Di Lặc

Nhược trí sinh tử tử sinh

Phương hội lão tăng xứ nặc.

Nghĩa là:

Nếu bảo sinh tử thực khác nhau

Là lừa Di Lặc và Phật Tổ

Nếu biết được sống là chết mà chết là sống

Thì mới linh hội được chỗ sâu kín của ta⁽¹⁴⁾.

Tóm lại, quan niệm của các thiền sư thời Lý về sự sống chết là dựa trên cơ sở thuyết Vô Ngã của Phật giáo, nhất là dựa trên cơ sở học thuyết tính Không trong Kinh Bát Nhã của Phật giáo Đại Thừa. Quan niệm đó dẫn đến một thái độ rõ ràng và độc đáo về sự sống chết của con người. Vì nếu cuộc sống của con người là hư huyền, là tạm thời và không tránh khỏi cái chết, thì dĩ nhiên người ta không lưu luyến và chấp chước cuộc sống đó, càng không đau buồn và lo sợ trước cái chết. Cho nên không phải là ngẫu nhiên mà Thiền sư Đạo Hạnh đã nói với mọi người trước khi ông mất:

Lãnh tiểu nhân gian động phát bi

Vi báo môn nhân lưu luyến trước

Nghĩa là:

Đáng cười người đời cứ buồn thương [trước cái chết]

Khuyên các môn đồ chớ có vì ta mà quyến luyến⁽¹⁵⁾.

Còn Ni sư Diệu Nhân Lý Ngọc Kiều thì nhấn mạnh, con người không nên cầu

12. Văn thơ Lý-Trần, Tập I. Sdd, tr. 514.

13. Thích Minh Tuệ. *Lược sử Phật giáo Việt Nam*, năm 1993, tr. 230-231.

14. Văn thơ Lý-Trần, Tập I. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội 1977, tr. 446.

15. Văn thơ Lý-Trần, Tập I. Sdd, tr. 343.

khẩn cho cuộc sống nơi trần thế của mình được trường cửu và tránh khỏi cái chết, vì cuộc sống là tạm thời và cái chết là không tránh khỏi. Thiền sư Trì Bát còn nói rõ hơn thái độ của mình trước sự sống chết:

Ư Chư sinh tử bất quan hoài

Um tô rô, tô rô tất lị

Nghĩa là:

Bao giờ đối với sự sống chết không quan tâm đến

Thì Um tô rô, ta vào cõi vô sinh [tức cõi Niết Bàn]¹⁶⁾.

Thái độ rõ ràng như vậy của các thiền sư thời Lý đối với sự sống chết là hoàn toàn xa lạ với hành vi “tham sống sợ chết” của một số người trong chiến tranh giữ nước, cũng như trong đời sống hằng ngày. Cũng vì thế mà Thiền sư Trí Không đã xem “tham sống sợ chết” là giặc. Hơn nữa, đương thời quan niệm về sự sống chết của các thiền sư thời Lý còn ảnh hưởng đến việc tổ chức tang lễ của các tầng lớp nhân dân trong xã hội từ vua quan đến thứ dân. Vua Lý Nhân Tông, một vị vua sùng tín và mến mộ đạo Phật, khi sắp mất đã căn dặn các cận thần

rằng: “Việc tang thì sau ba ngày nên bỏ trở. Chôn cất thì theo cách kiệm ước của Hán Văn Đế. Không cần xây lăng tẩm riêng. Hãy để trẩm được hầu bên cạnh tiên đế¹⁷⁾.”

Ở thời Lý, nhân dân ta bắt tay vào xây dựng nền văn minh Đại Việt và ra sức bảo vệ nền độc lập trước sự xâm lăng của bọn phong kiến Phương Bắc. Trong tình hình ấy, quan niệm về sự sống chết của các thiền sư dù đặt trên cơ sở những triết lý thâm sâu của Thiền học, nhưng thực tế nó cũng có tác dụng tích cực đối với sự phát triển của xã hội Việt Nam đương thời. Nó góp phần khắc phục những hành vi và thái độ thấp hèn như sự “tham sống sợ chết” đã nảy sinh trong đời sống, nhất là trong các cuộc chiến tranh giữ nước. Nó đã làm dịu đi những nỗi đau buồn quá mức của mỗi người trước cái chết của người thân. Nó cũng có tác dụng thúc đẩy sự hình thành những đức tính tốt ở con người như đức tính tiết kiệm, trước hết là tiết kiệm trong tang lễ/.

16. *Văn thơ Lý-Trần*, Tập I. Sđd, tr.339.

17. *Văn thơ Lý-Trần*, Tập I. Sđd, tr.441.